

Bản tin Phân tích kỹ thuật

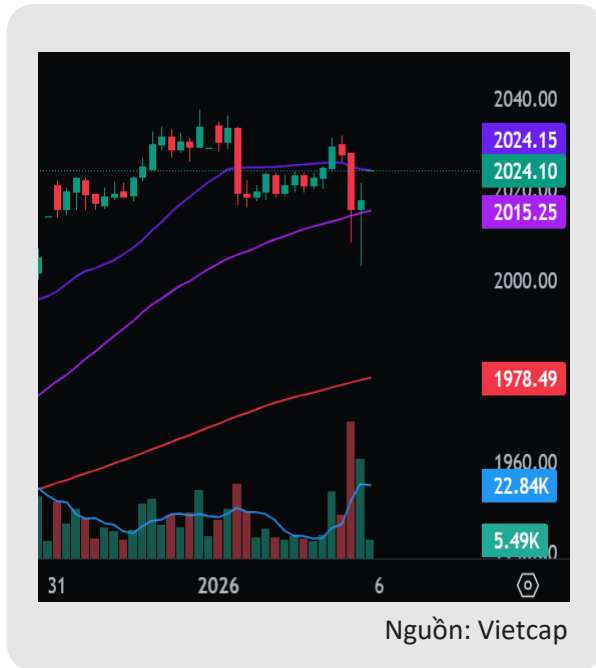
05/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G1000 biến động giằng co quanh đường MA20 của đồ thị 15 phút (M15), hiện nằm tại 2.025 điểm. Hợp đồng tháng 1 này cũng đang được hỗ trợ bởi đường MA50 đang nằm tại 2.015 điểm.
- Dự báo 41I1G1000 có thể sẽ kiểm định lại đường MA50 của đồ thị M15.

Chiến lược:

- Bán (S): 2.025 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.015 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.030 điểm

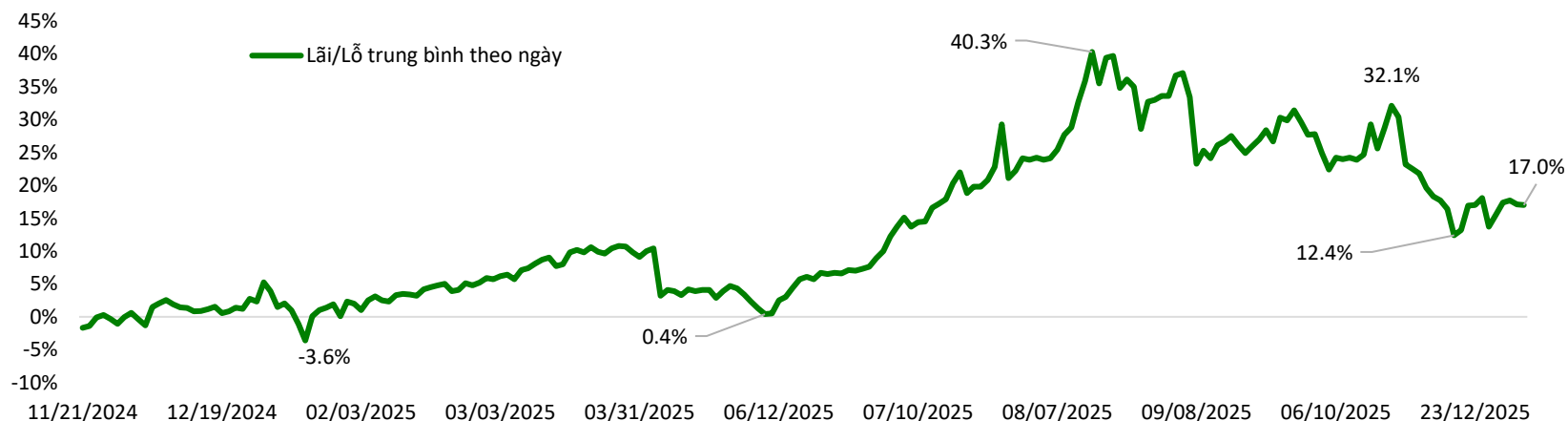
Quan điểm kỹ thuật



- Các chỉ số diễn biến trái chiều nhau trong phiên đầu năm sau một số nhịp giằng co. VN-Index là chỉ số duy nhất tăng điểm, VN30 gần như đi ngang trong khi nhóm chỉ số đại diện cho phân khúc vốn hóa vừa và nhỏ VNMid, VNSML và HNX-Index điều chỉnh giảm khác mạnh. Điều này cho thấy độ rộng của thị trường nghiêng về phía tiêu cực dù VN-Index đóng cửa trong sắc xanh.
- Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của các chỉ số có một chút thay đổi đáng kể so với phiên cuối năm 2025. Cụ thể, VN-Index và VN30 vẫn giữ được tín hiệu ngắn hạn Tích cực trong khi VNMid và HNX-Index đã chuyển tín hiệu từ Trung tính xuống Tiêu cực. Hai chỉ số HNX-Index và VNSML còn vi phạm nhẹ hỗ trợ trung hạn MA200, dù chưa đủ thuyết phục để thay đổi tín hiệu trung hạn.
- Dự báo phiên 06/01, VN-Index vẫn có cơ hội tăng điểm với sự hỗ trợ của đường MA5 ngày, hiện nằm tại 1.765-1.775 điểm. Ở kịch bản này, chỉ số sẽ kiểm định mốc tâm lý tại 1.800 điểm để có thể thiết lập những mốc cao lịch sử mới. Tuy nhiên với sự phân hóa tín hiệu giữa các nhóm vốn hóa, đà tăng của VN-Index không nhất thiết sẽ kéo theo những chuyển động tích cực của phân khúc vốn hóa vừa và nhỏ.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
PVS	19/12/2025		Đang mở	35,500	32,300	9.9%	31,100	36,000	32,300	
BID	19/12/2025		Đang mở	38,450	37,500	2.5%	37,300	41,000	38,000	
TCB	19/12/2025		Đang mở	34,950	33,100	5.6%	32,000	36,200	33,500	
MWG	22/12/2025		Đang mở	87,400	82,700	5.7%	79,700	89,000	82,700	
POW	24/12/2025		Đang mở	12,650	12,700	-0.4%	12,200	14,100		
MSN	31/12/2025		Đang mở	76,800	76,500	0.4%	74,000	82,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	132,600	6.94%	16.01%	544,643	6.957	6,133	2.3	20.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	173,100	2.06%	9.56%	1,333,914	5.070	1,147	9.0	147.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	77,400	6.91%	11.85%	186,762	2.376	5,014	2.7	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	100,000	6.16%	1.01%	179,330	2.034	-60	4.7	-1,579.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,900	-2.62%	-2.96%	221,356	-1.067	2,603	1.5	11.0	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
GEE	229,000	-6.72%	9.67%	83,814	-1.038	9,095	12.0	27.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	40,500	-3.11%	-3.57%	120,985	-0.693	3,469	2.9	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	28,950	-2.53%	5.08%	144,903	-0.674	3,074	2.3	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	25,950	-1.70%	-1.14%	199,178	-0.625	1,876	1.6	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCB	57,100	-0.70%	0.00%	477,109	-0.611	4,202	2.2	13.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BID	38,450	-1.16%	-0.90%	269,971	-0.575	3,781	1.7	10.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCX	45,800	-2.55%	-1.40%	105,858	-0.498	2,390	2.6	19.7	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPX	28,300	-5.03%	1.62%	53,063	-0.492	1,878	2.8	15.9	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,150	-3.64%	-4.43%	72,615	-0.486	1,857	2.4	16.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	41,000	-5.96%	-4.65%	36,998	-0.406	2,313	2.4	18.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	108,600	9.92%	18.04%	21,720	-24.202	9,526	4.3	10.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	19,400	-5.83%	-8.92%	17,450	11.419	1,518	1.5	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	35,500	3.50%	9.57%	18,155	-7.135	2,841	1.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	25,100	-3.46%	-4.92%	16,533	6.429	1,660	2.5	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	95,000	2.15%	10.47%	22,253	-5.376	5,080	2.4	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	67,000	0.75%	-2.62%	60,286	-5.092	4,851	5.0	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,400	-1.47%	-2.19%	25,790	4.261	-3,592	3.9	-3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NTP	63,900	-3.03%	0.31%	10,929	3.726	5,885	2.8	11.2	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	31,000	-8.82%	-8.82%	3,738	3.706	2,493	1.6	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	15,500	-1.90%	-3.13%	16,558	3.532	488	1.6	32.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	49,600	1.43%	-2.55%	177,683	-0.896	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	71,300	0.71%	5.16%	217,024	-0.540	3,046	5.6	23.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGR	73,800	-16.14%	-3.40%	6,068	0.345	5,256	5.3	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	45,700	-1.08%	-0.65%	54,867	0.209	1,438	4.0	31.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIG	19,000	6.74%	5.56%	8,541	-0.203	1,954	1.1	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TBD	114,200	-14.97%	-17.78%	3,702	0.195	6,138	5.3	18.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	33,800	-1.17%	0.30%	44,913	0.185	5,767	1.4	5.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	6,400	6.67%	6.67%	7,095	-0.167	-1,005	4.2	-6.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
OIL	11,200	3.70%	4.67%	11,583	-0.151	384	1.1	28.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
RGG	30,800	6.94%	12.41%	6,160	-0.151	835	2.5	34.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

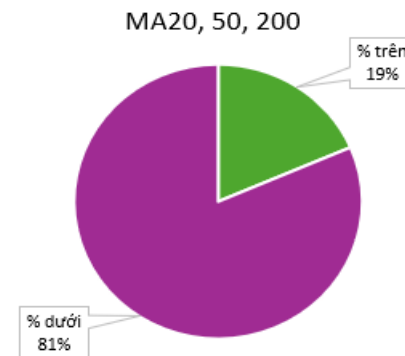
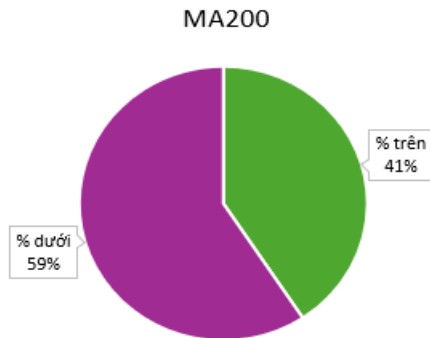
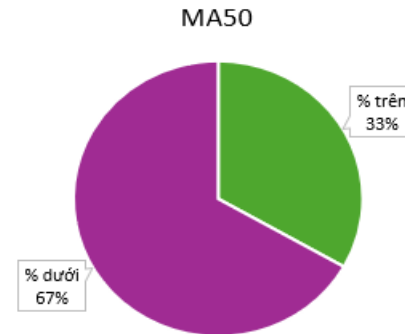
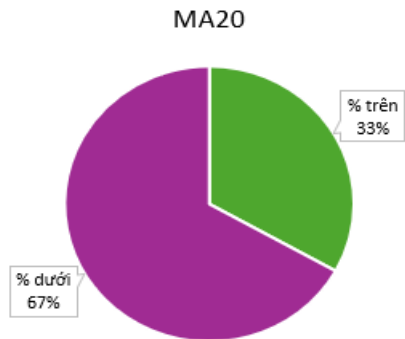
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	173,100	2.1%	1140.1	1068.3	19,950	169,900	9.0	147.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	132,600	6.9%	1322.9	665.8	37,750	127,000	2.3	20.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	77,400	6.9%	410.5	100.3	47,818	75,100	2.7	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	98,500	1.5%	53.6	46.1	61,783	97,389	2.8	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	35,500	3.5%	433.6	157.8	20,000	35,421	1.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	29,100	2.6%	372.5	207.8	16,282	28,500	0.9	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	38,150	0.5%	20.2	21.6	16,273	37,950	2.5	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HLD	24,800	7.4%	9.6	1.3	9,991	24,700	1.9	101.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVB	36,800	2.8%	26.8	6.9	21,600	36,000	1.8	16.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CSV	26,800	-1.8%	8.6	10.1	26,900	45,381	2.0	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	14,150	-0.7%	6.7	5.3	14,250	21,550	0.7	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTP	7,000	-9.1%	9.4	2.6	7,400	41,500	0.6	141.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DST	9,100	0.0%	9.1	0.7	4,400	9,500	0.7	116.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTP	7,000	-9.1%	9.4	2.6	7,400	41,500	0.6	141.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGW	41,700	6.9%	169.8	73.0	28,316	48,150	2.7	16.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SMC	14,000	6.5%	10.8	4.0	5,700	16,800	1.4	-4.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			05/01/2026	31/12/2025	30/12/2025	29/12/2025	26/12/2025	25/12/2025	24/12/2025	23/12/2025	22/12/2025	19/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	39%	43%	43%	43%	41%	44%	46%	45%	47%	46%
		Dưới	61%	57%	57%	57%	59%	56%	54%	55%	53%	54%
	MA50	Trên	31%	33%	35%	32%	31%	34%	37%	36%	36%	32%
		Dưới	69%	67%	65%	68%	69%	66%	63%	64%	64%	68%
	MA20	Trên	35%	38%	36%	32%	28%	31%	33%	35%	37%	28%
		Dưới	65%	62%	64%	68%	72%	69%	67%	65%	63%	72%
VN30	MA200	Trên	77%	73%	77%	77%	77%	73%	73%	73%	73%	70%
		Dưới	23%	27%	23%	23%	23%	27%	27%	27%	27%	30%
	MA50	Trên	43%	57%	50%	47%	47%	47%	63%	50%	57%	30%
		Dưới	57%	43%	50%	53%	53%	53%	37%	50%	43%	70%
	MA20	Trên	50%	67%	67%	50%	47%	50%	60%	60%	70%	40%
		Dưới	50%	33%	33%	50%	53%	50%	40%	40%	30%	60%
HNX	MA200	Trên	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%	43%
		Dưới	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%	57%
	MA50	Trên	33%	33%	32%	36%	32%	34%	38%	36%	38%	38%
		Dưới	67%	67%	68%	64%	68%	66%	62%	64%	62%	62%
	MA20	Trên	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%	43%
		Dưới	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%	57%
UPCOM	MA200	Trên	32%	33%	32%	33%	31%	32%	33%	33%	34%	32%
		Dưới	68%	67%	68%	67%	69%	68%	67%	67%	66%	68%
	MA50	Trên	35%	37%	37%	37%	35%	37%	37%	36%	37%	36%
		Dưới	65%	63%	63%	63%	65%	63%	63%	64%	63%	64%
	MA20	Trên	41%	41%	42%	42%	42%	42%	42%	41%	41%	41%
		Dưới	59%	59%	58%	58%	58%	58%	58%	59%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 1										Tháng 12									
		05 ↓	31	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05
➤ 1	Dầu khí	80	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47	39	31	42	40	40	50	47	49
! 2	Điện, nước & xăng...	67	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46	41	36	44	47	49	50	54	53
3	Y tế	67	55	54	66	58	59	61	62	73	70	68	67	64	63	66	71	70	74	77	78
! 4	Bán lẻ	65	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45	43	46	63	74	81	84	83	83
5	Bảo hiểm	55	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40	37	35	44	49	51	55	54	41
6	Công nghệ Thông...	52	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55	55	55	58	47	46	44	44	46
➤ 7	Thực phẩm và đồ ...	50	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49	48	46	51	55	56	56	57	53
➤ 8	Du lịch và Giải trí	46	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48	45	45	50	53	56	57	58	57
➤ 9	Hàng cá nhân & Gi...	41	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45	44	42	47	51	53	59	62	62
10	Ngân hàng	40	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35	31	31	37	42	42	45	48	45
! 11	Tài nguyên Cơ bản	39	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41	39	36	43	49	51	52	48	45
12	Hóa chất	39	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39	37	36	44	49	52	53	56	55
13	Hàng & Dịch vụ C...	37	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37	35	34	43	46	47	48	47	48

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	173,100	2.1%	9.6%	1,333,914	9.0	147.8	1,147	1,140.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	132,600	6.9%	16.0%	544,643	2.3	20.2	6,133	1,322.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	35,500	-0.7%	1.4%	275,727	1.7	8.3	4,292	369.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	77,400	6.9%	11.8%	186,762	2.7	14.4	5,014	410.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	28,950	-2.5%	5.1%	144,903	2.3	9.7	3,074	714.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	35,600	5.8%	10.4%	80,895	1.7	15.7	2,144	478.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PLX	36,300	2.8%	3.6%	46,122	1.8	16.9	2,090	222.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PNJ	98,500	1.5%	3.2%	33,603	2.8	14.0	6,912	53.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	153,100	2.4%	4.9%	26,073	8.3	41.3	3,620	94.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	35,500	3.5%	9.6%	18,155	1.2	12.1	2,841	433.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	46,900	-0.2%	3.3%	17,243	1.7	8.9	5,278	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVD	29,100	2.6%	9.8%	16,176	0.9	17.7	1,602	372.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	220,000	0.0%	22.2%	13,597	4.5	7,782.3	28	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
OIL	11,200	3.7%	4.7%	11,583	1.1	28.2	384	45.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KLB	16,900	0.6%	5.0%	9,774	1.3	6.4	2,609	19.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PC1	22,900	1.6%	4.3%	9,418	1.6	16.4	1,377	93.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	41,700	6.9%	5.3%	9,223	2.7	16.2	2,410	169.8	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVT	18,800	2.2%	2.2%	8,835	1.0	8.8	2,090	71.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,400	6.7%	6.7%	7,095	4.2	-6.0	-1,005	67.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
NT2	24,350	0.0%	0.8%	7,010	1.6	10.8	2,265	33.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCG	22,150	-2.0%	-4.5%	14,319	1.3	3.7	6,148	98.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,100	-4.4%	-6.8%	9,656	1.6	29.1	938	88.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	11,800	-5.6%	-9.6%	5,097	0.6	1.3	9,417	34.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	22,250	-2.0%	-5.3%	4,445	1.6	7.4	3,057	64.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	37,450	-0.1%	-4.0%	3,775	1.8	12.4	3,037	26.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	28,300	-2.7%	-6.6%	2,043	0.8	8.2	3,550	7.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTP	7,000	-9.1%	-22.2%	85	0.6	141.0	55	9.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	24,900	0.0%	-3.1%	77,476	13.9	6.6	3,765	43.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	48,650	-2.9%	-0.7%	74,037	5.3	19.2	2,605	44.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	28,300	-5.0%	1.6%	53,063	2.8	15.9	1,878	9.7	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,200	-1.4%	-0.9%	48,934	1.2	7.5	2,332	35.5	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	20,950	-1.6%	-4.8%	39,024	1.5	13.0	1,635	152.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	60,800	-0.3%	-1.0%	32,933	1.6	12.8	4,776	45.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,200	-0.7%	-0.7%	24,363	1.1	6.1	2,337	19.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	21,750	-2.9%	-5.0%	23,489	2.3	16.7	1,341	200.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	18,700	-0.5%	-4.1%	18,659	1.6	89.1	211	170.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,500	-1.9%	-3.1%	16,558	1.6	32.4	488	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	25,100	-3.5%	-4.9%	16,533	2.5	15.7	1,660	119.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	17,900	-2.2%	-5.0%	16,327	1.5	22.9	801	132.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,000	-1.1%	-2.2%	13,662	2.1	7.5	4,849	30.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	65,500	-4.38%	1.39%	118,000	72.3%	8,296	1.7	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,050	1.97%	0.16%	52,100	71.1%	2,202	1.5	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,450	-0.64%	-1.90%	25,500	64.0%	178	1.3	87.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,900	1.27%	-0.78%	48,500	54.0%	857	2.0	36.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,500	-0.84%	0.85%	64,100	53.2%	3,090	2.1	13.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXS	8,940	-1.43%	-1.76%	13,600	49.9%	639	0.8	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,350	0.00%	0.38%	20,000	49.8%	(1,943)	0.7	-6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	36,000	-1.10%	-2.17%	54,000	48.4%	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	37,450	-0.13%	-3.97%	55,200	47.2%	3,037	1.8	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,100	-0.17%	-1.02%	42,400	45.5%	1,763	1.7	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,350	1.99%	4.22%	46,600	42.5%	3,578	1.7	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	17,000	-0.58%	-3.41%	24,000	40.4%	398	1.5	42.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,000	0.00%	0.00%	33,300	38.8%	3,385	1.4	7.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDG	26,100	-4.40%	-6.79%	37,000	35.5%	938	1.6	29.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	25,950	-1.70%	-1.14%	35,700	35.2%	1,876	1.6	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSI	29,150	-3.64%	-4.43%	40,800	34.9%	1,857	2.4	16.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	17,300	0.00%	-1.70%	23,100	33.5%	1,988	0.9	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,000	-1.14%	0.97%	69,800	32.7%	5,474	2.5	9.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,900	-2.62%	-2.96%	38,000	32.6%	2,603	1.5	11.0	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
ACV	49,600	1.43%	-2.55%	64,600	32.1%	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn